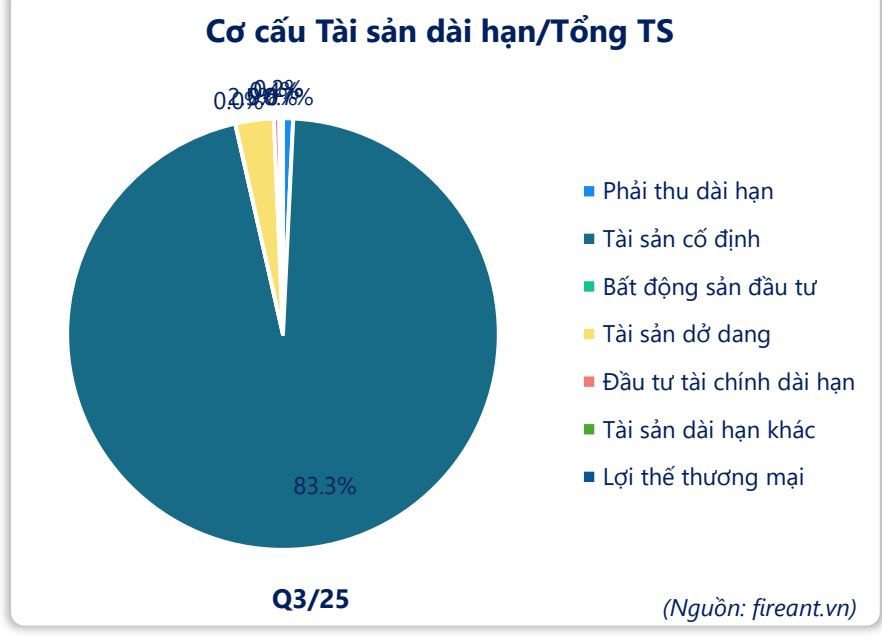
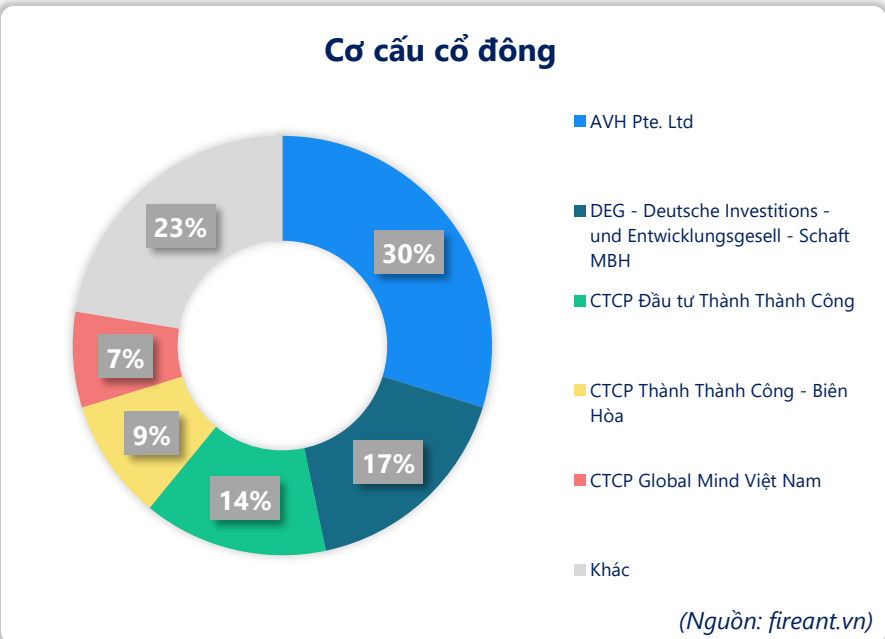
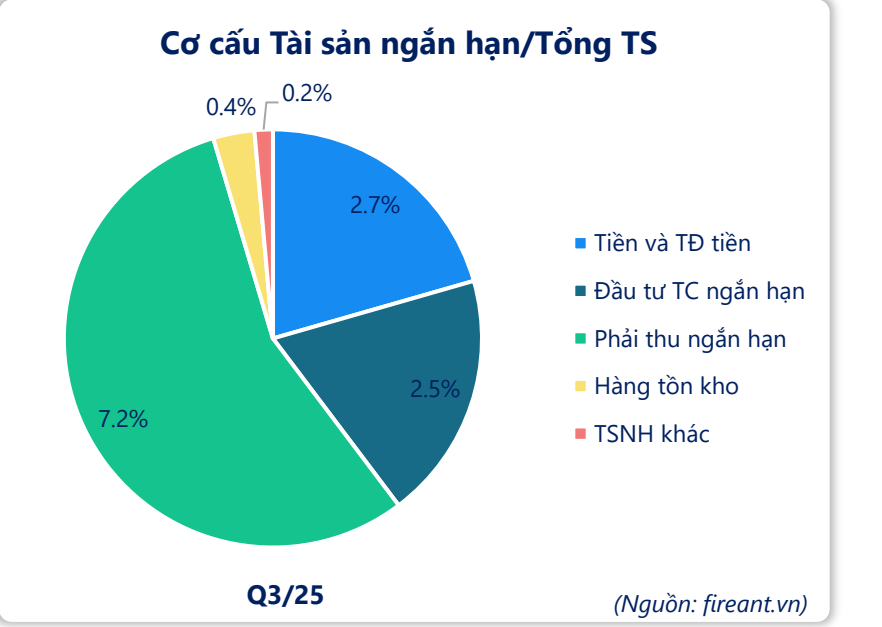
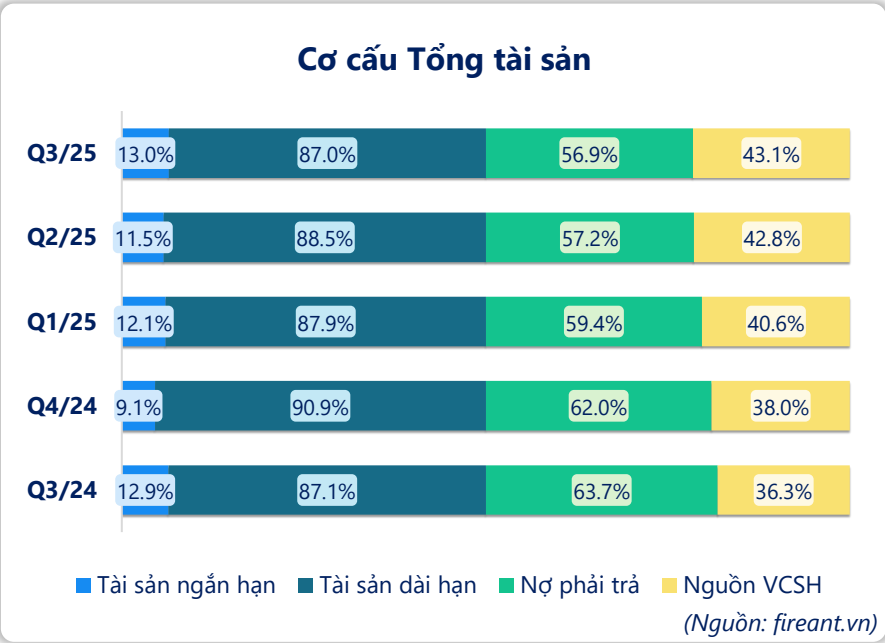
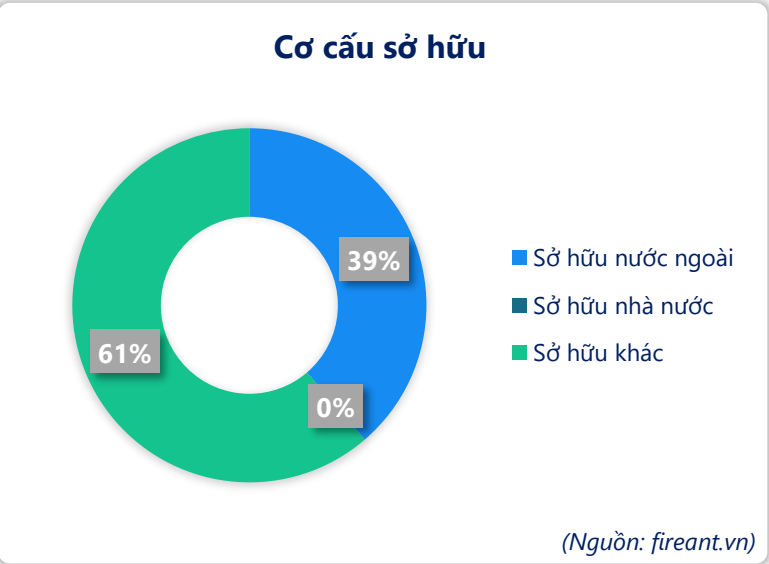
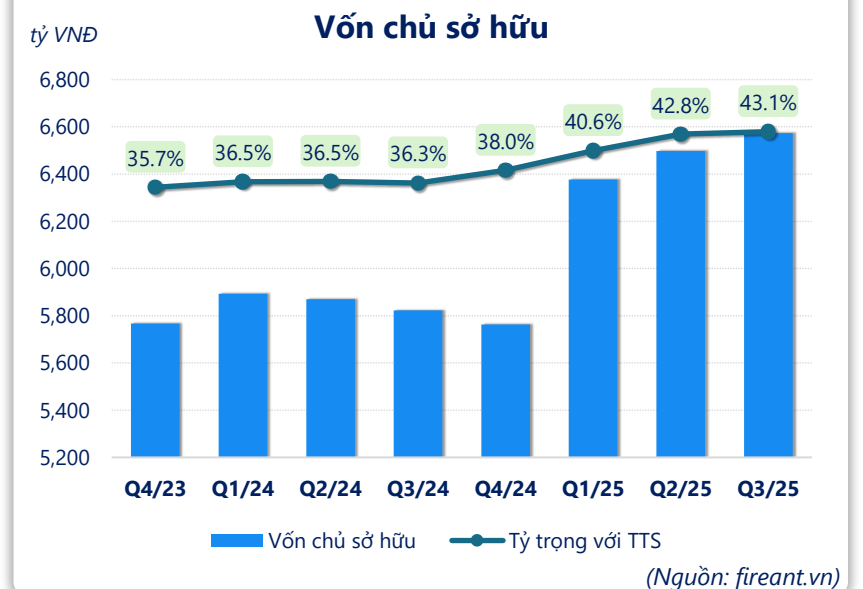
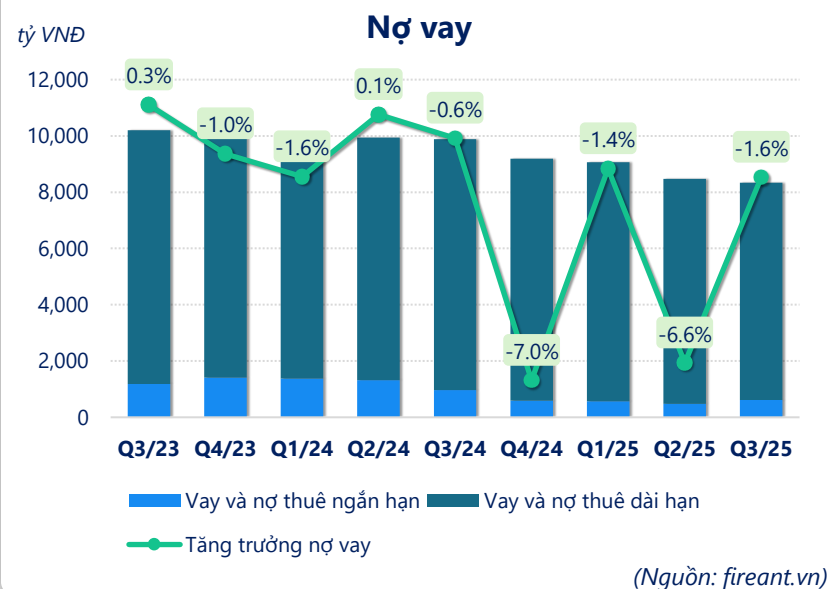
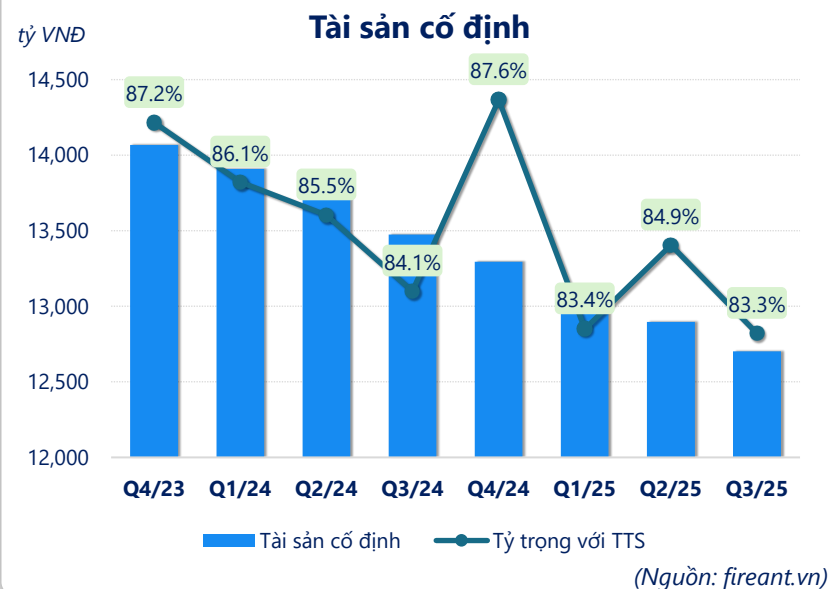
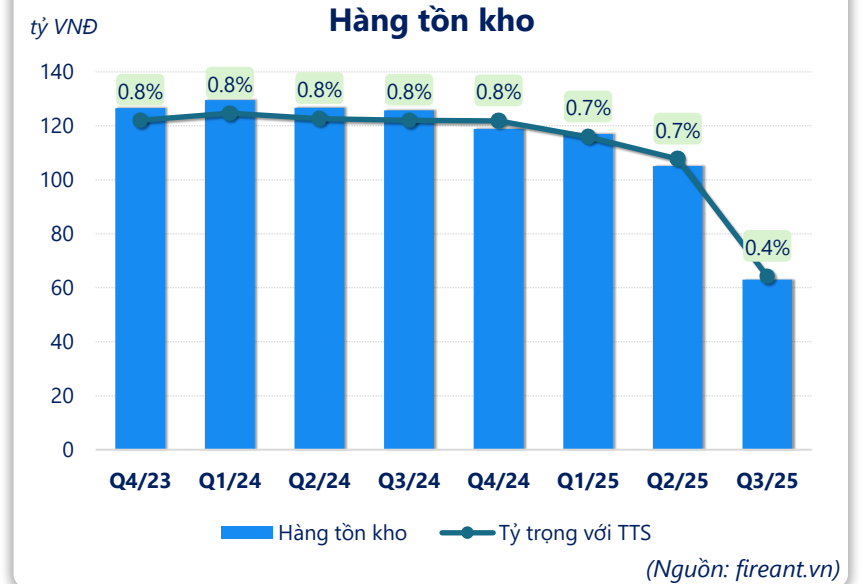
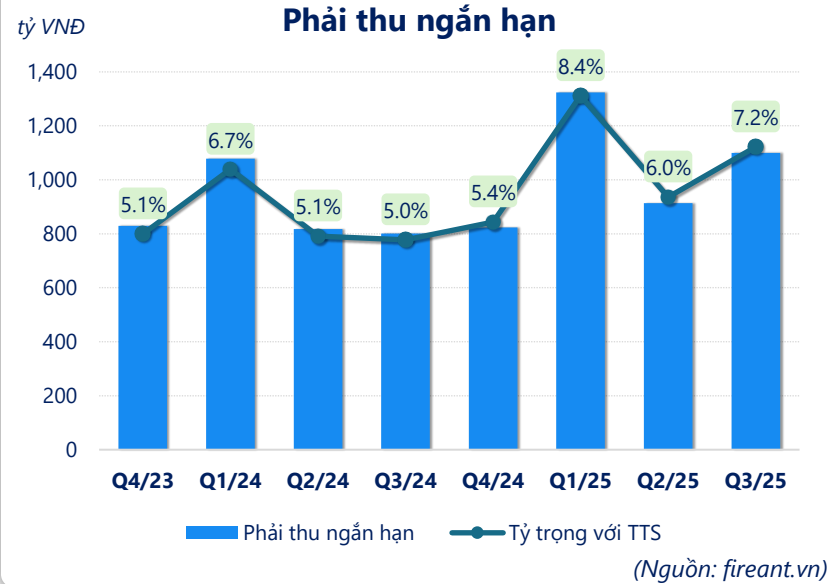
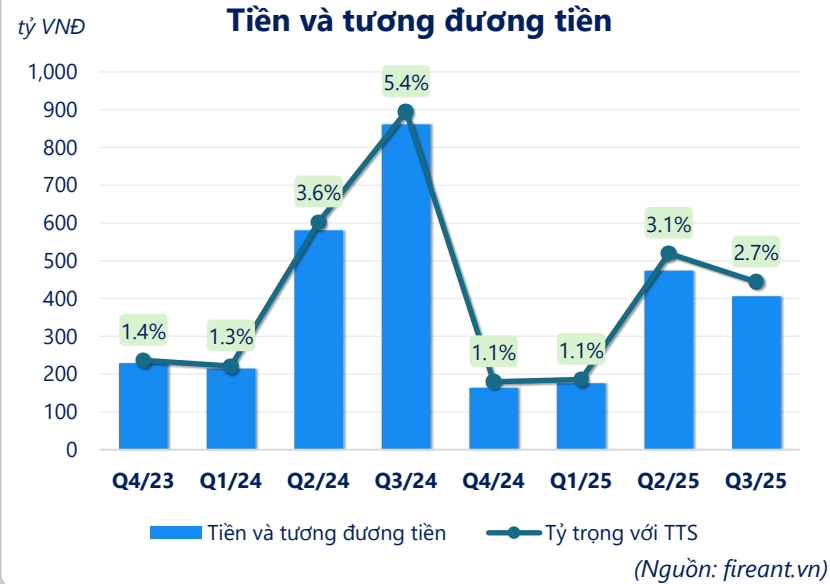
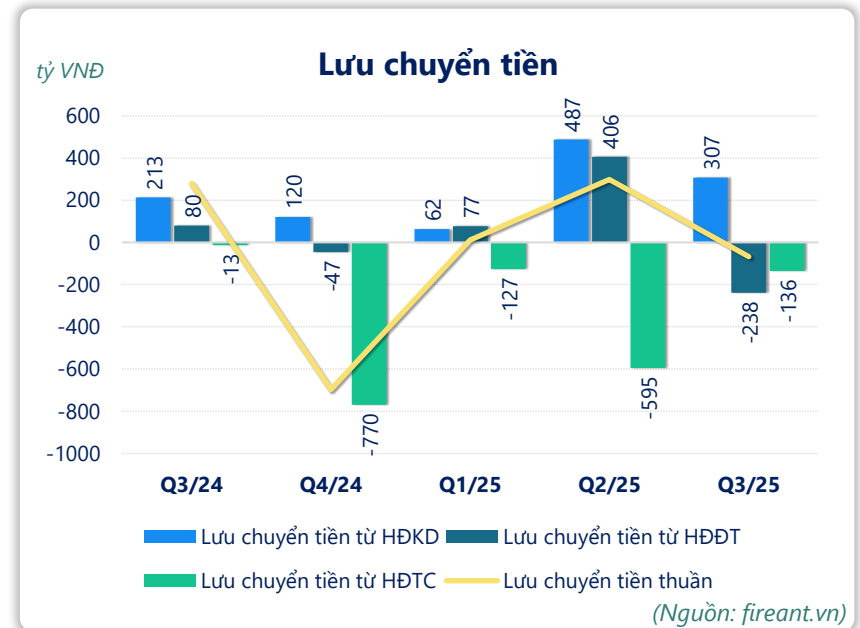
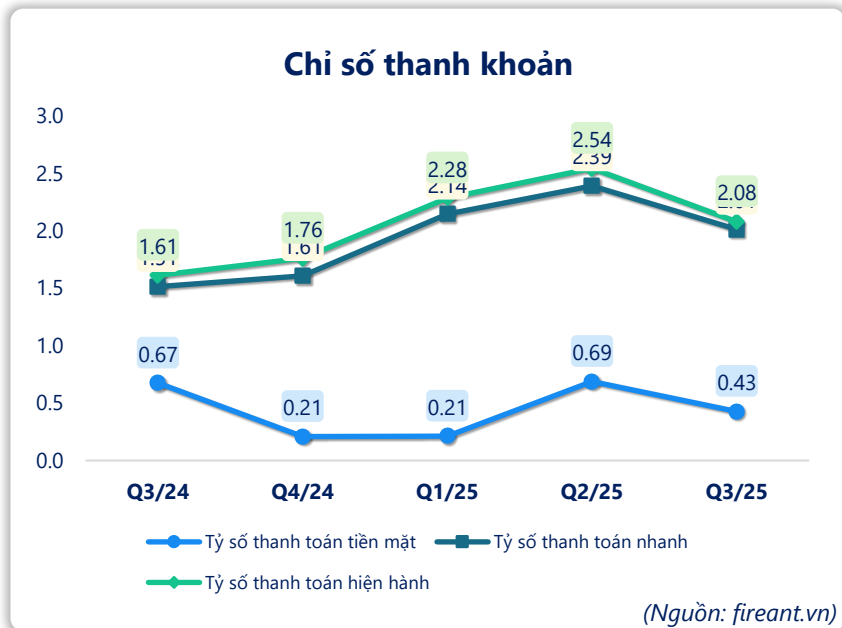
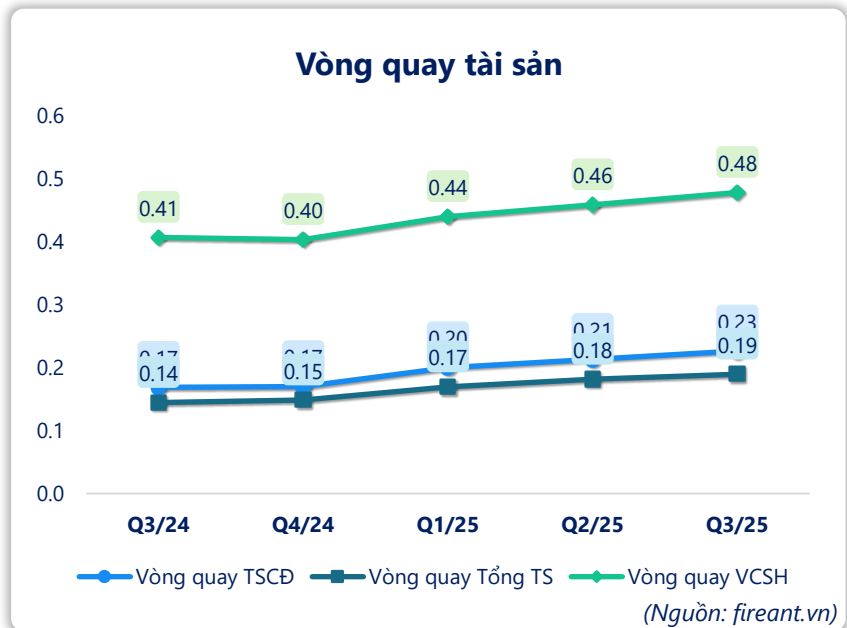
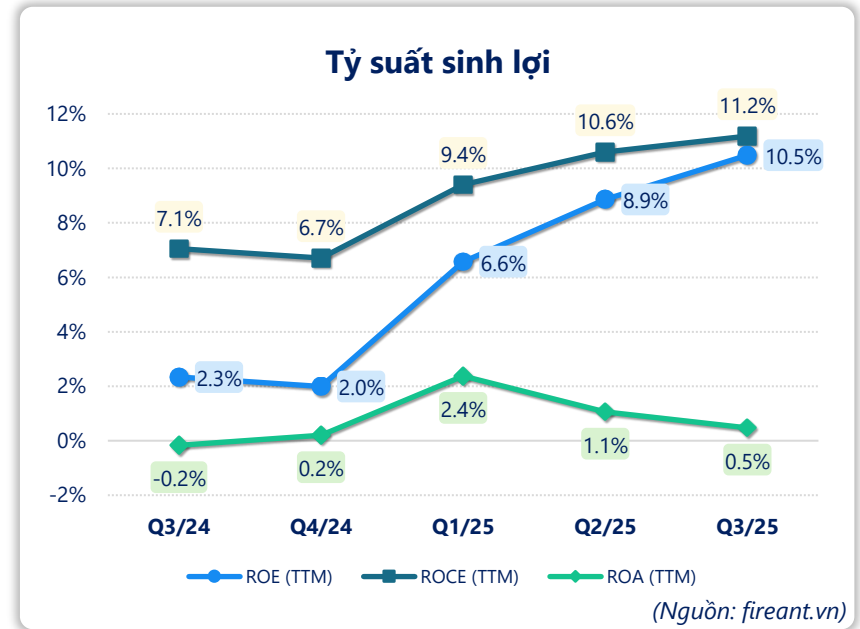
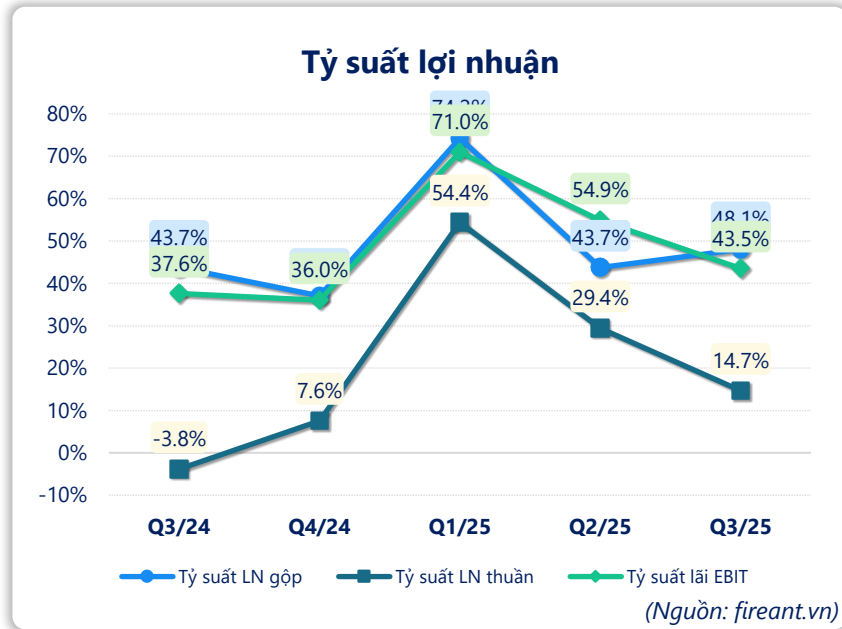
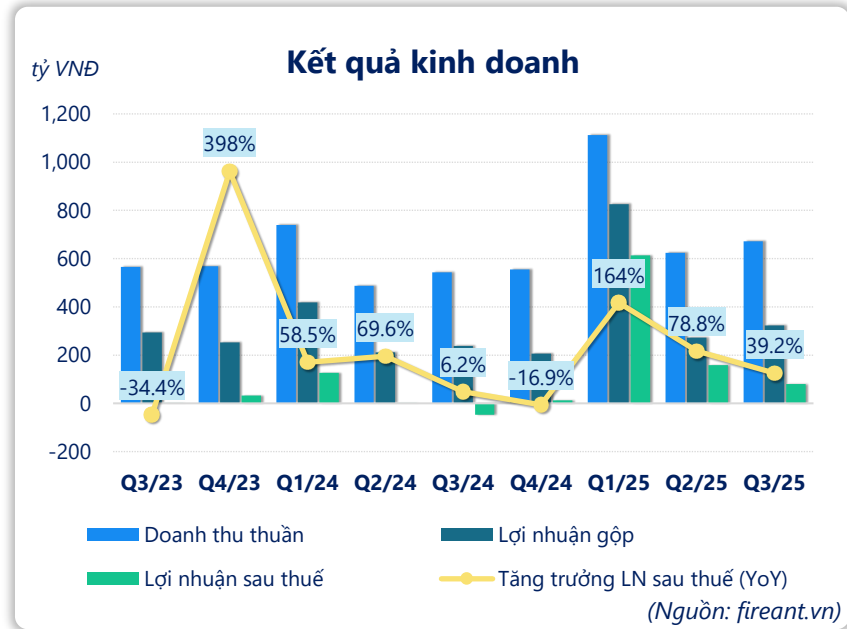


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,650
SL cổ phiếu LH		358,308,371
KLGD BQ 20 phiên (CP)		950,690
% sở hữu nước ngoài		38.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,840
P/E		9.0
EPS		1,813

	YTD	1T	3T	6T
GEG	37.0%	3.2%	2.8%	16.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15,248	15,174	0.5%
Tài sản ngắn hạn	1,975	1,382	42.9%
Tiền và tương đương tiền	406	164	148%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	379	239	58.1%
Phải thu ngắn hạn	1,100	823	33.6%
Hàng tồn kho	63.0	119	-47.0%
Tài sản ngắn hạn khác	28.0	36.5	-23.1%
Tài sản dài hạn	13,273	13,792	-3.8%
Phải thu dài hạn	101	29.4	242%
Tài sản cố định	12,701	13,296	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	381	268	42.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	54.3	174	-68.7%
Tài sản dài hạn khác	35.5	24.3	45.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8,675	9,409	-7.8%
Nợ ngắn hạn	950	785	21.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	614	597	2.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.5	32.3	50.2%
Nợ dài hạn	7,724	8,624	-10.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	7,722	8,596	-10.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,573	5,764	14.0%
Vốn chủ sở hữu	6,573	5,764	14.0%
Vốn điều lệ	4,225	4,225	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	543	555	1,113	624	671
Giá vốn hàng bán	306	350	287	351	349
Lợi nhuận gộp	237	206	826	273	323
Doanh thu HĐTC	10.2	9.35	7.84	119	7.29
Chi phí TC	231	156	187	172	194
Chi phí lãi vay	224	157	184	158	193
LN trong công ty LKLD	-4.73	12.7	3.45	0.71	0.63
Chi phí bán hàng	0	0.03	0	0	0
Chi phí QLDN	33.1	29.8	44.9	37.3	37.9
LN thuần từ HĐKD	-20.9	42.0	605	184	98.4
Lợi nhuận khác	0.97	1.49	0.21	0.57	0.37
LN trước thuế	-19.9	43.5	605	184	98.7
Lợi nhuận sau thuế	-47.8	12.4	613	158	80.1
LNST của CĐ cty mẹ	-27.3	31.0	378	166	74.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	213	120	62.3	487	307
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	80.4	-46.6	76.5	406	-238
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.5	-770	-127	-595	-136
Tiền đầu kỳ	581	861	164	175	474
Lưu chuyển tiền thuần	280	-697	11.7	298	-67.5
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.00	0.00	0.05	0.02
Tiền cuối kỳ	861	164	175	474	406

(Nguồn: fireant.vn)